

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng 2022 theo Công văn số 753/TCTK-TKQG ngày 30/5/2022	Ước thực hiện 6 tháng 2022 theo tính toán sơ bộ đến hết tháng 6/2022	Ghi chú
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP	%	>6,0	4,52	5,11	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	>3,5	3,69	3,69	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	>8,7	5,15	6,11	
	+ Công nghiệp	%	>11,5	5,97	6,75	
	+ Xây dựng	%	>7,0	4,53	5,45	
	- Dịch vụ	%	>6,5	4,65	4,65	
2	GRDP bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	>45,5			Đánh giá cuối năm
3	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	≥820	417,50		
4	Trồng rừng	Ha	>4.000	3727,00		
5	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm	Xã	8	0,00		
6	Phát triển mới sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên	Sản phẩm	≥20	0,00		
7	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	35	19,00		
8	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	%	≥98,5	98,50		
9	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	≥97,8	97,59		
10	Số lao động được giải quyết việc làm mới	Người	>5.500	2750		
11	Tỷ lệ giảm nghèo so với năm trước	%	2-2,5			Đánh giá cuối năm
12	Tỷ lệ giảm nghèo ở các huyện nghèo	%	3,5-4			Đánh giá cuối năm
13	Số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã tăng thêm	Xã	2	0,00		
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể cân nặng theo tuổi)	%	< 16,8			Đánh giá cuối năm
15	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	> 93,6			
16	Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	15	0,00		
17	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	%	>90			Chưa tổ chức kỳ thi
18	Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh tăng so với năm trước	Bậc	≥1			Đánh giá cuối năm
19	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tăng so với năm trước	Bậc	≥1			Đánh giá cuối năm
20	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	Bậc	≥2			Đánh giá cuối năm
	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh theo mức độ 4	%	≥82			
21	Chỉ tiêu tỷ lệ tuyển quân, động viên quân nhân dự bị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng	%	100	100,00		
22	Tỷ lệ tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm	%	100	100,00		
23	Tỷ lệ điều tra, khám phá án	%	≥80,0	87,60		
24	Giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội	%	≥5,0	16,70		
25	Tỷ lệ giải quyết án hình sự	%	>80,0	>80,0		
26	Tai nạn giao thông đường bộ		Giảm cả 3 tiêu chí	Giảm cả 3 tiêu chí		